



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho
kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 28 tháng 6 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Trị
Bà Trần Tường Anh
Ông Nguyễn Ngọc Bình
Ông Lê Quốc Ân
Ông Nguyễn Văn Hải
Ông Phạm Văn Tân

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(đến ngày 16 tháng 4 năm 2022)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Kim Khanh
Ông Nguyễn Thanh Sơn
Ông Vũ Ngọc Tú

Ông Nguyễn Ngọc Cách

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 17 tháng 4 năm 2022)
Thành viên
(đến ngày 16 tháng 4 năm 2022)

Ban điều hành

Ông Nguyễn Văn Hải
Bà Hoàng Thùy Oanh
Bà Trần Tường Anh
Ông Nguyễn Ngọc Bình
Bà Trần Thị Hòa Châu
Ông Phạm Ngọc Trung
Ông Phan Văn Phước
Ông Phan Quang Long
Ông Nguyễn Phước Hoàng
Ông Nguyễn Văn Cường
Bà Nguyễn Thị Tường Long

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

36 Phố Ông Ích Đường
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban điều hành



Nguyễn Văn Hải
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 8 năm 2022



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 16 tháng 8 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 22-04-00007-22-1



Wang Toan Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2022



Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3064-2019-007-1



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.624.954.017.179	1.492.955.787.174
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	14.635.667.813	36.498.496.869
Tiền	111		14.635.667.813	36.498.496.869
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		219.755.000.000	119.955.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	219.755.000.000	119.955.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		540.597.320.551	528.635.756.071
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	526.884.368.437	481.859.691.659
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		15.696.598.183	47.621.302.862
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		839.671.000	488.100.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	3.626.997.692	4.940.679.311
Dự phòng phải thu khó đòi	137	12	(6.450.314.761)	(6.274.017.761)
Hàng tồn kho	140	13	802.827.286.100	769.136.326.803
Hàng tồn kho	141		803.096.214.353	769.559.490.915
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(268.928.253)	(423.164.112)
Tài sản ngắn hạn khác	150		47.138.742.715	38.730.207.431
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17(a)	5.867.584.407	8.237.473.464
Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ	152		41.267.602.851	30.492.733.967
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19(b)	3.555.457	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		644.013.803.327	604.057.522.531
Các khoản phải thu dài hạn	210		8.412.720.545	3.959.430.014
Phải thu về cho vay dài hạn	215		5.428.969.000	994.100.000
Phải thu dài hạn khác	216		2.983.751.545	2.965.330.014
Tài sản cố định	220		493.544.799.976	465.382.921.249
Tài sản cố định hữu hình	221	14	491.104.577.736	463.509.070.679
Nguyên giá	222		1.558.804.462.733	1.494.312.101.837
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.067.699.884.997)	(1.030.803.031.158)
Tài sản cố định vô hình	227	15	2.440.222.240	1.873.850.570
Nguyên giá	228		11.190.076.913	10.286.602.913
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.749.854.673)	(8.412.752.343)
Tài sản dở dang dài hạn	240		15.003.192.694	14.352.120.576
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	15.003.192.694	14.352.120.576
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9(b)	99.830.292.987	99.814.551.193
Đầu tư vào công ty con	251		92.748.900.000	92.748.900.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		10.428.000.000	10.428.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(11.102.309.013)	(11.118.050.807)
Tài sản dài hạn khác	260		27.222.797.125	20.548.499.499
Chi phí trả trước dài hạn	261	17(b)	27.222.797.125	20.548.499.499
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.268.967.820.506	2.097.013.309.705

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.602.104.440.255	1.516.269.411.057
Nợ ngắn hạn	310		1.372.404.058.167	1.278.917.871.473
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	306.566.554.900	305.940.404.464
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.542.819.572	39.583.132.300
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		28.457.851.990	15.569.066.247
Phải trả người lao động	314		372.062.617.928	307.210.490.808
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	9.397.512.636	3.003.710.607
Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn	318		627.655.050	85.280.315
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	24.838.718.835	28.883.668.937
Vay ngắn hạn	320	22(a)	555.439.483.788	509.889.744.967
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	69.470.843.468	68.752.372.828
Nợ dài hạn	330		229.700.382.088	237.351.539.584
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	24	6.856.178.224	10.740.759.952
Vay dài hạn	338	22(b)	222.844.203.864	226.610.779.632
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		666.863.380.251	580.743.898.648
Vốn chủ sở hữu	410	25	666.863.380.251	580.743.898.648
Vốn cổ phần	411	26	300.030.750.000	236.250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.030.750.000	236.250.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	172.150.529.403	137.428.205.782
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		194.682.100.848	207.065.692.866
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		75.083.456.676	43.076.706.676
- LNST chưa phân phối kỳ này/ năm nay	421b		119.598.644.172	163.988.986.190
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.268.967.820.506	2.097.013.309.705

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Phạm Anh Thảo
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	2.363.440.873.127	1.402.326.284.232
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		110.489.859	333.695.004
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		2.363.330.383.268	1.401.992.589.228
Giá vốn hàng bán	11		2.120.354.605.516	1.295.078.589.144
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		242.975.777.752	106.914.000.084
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	35.508.790.398	12.204.378.574
Chi phí tài chính	22	32	19.659.387.851	(5.304.367.102)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.988.144.664	5.034.323.807
Chi phí bán hàng	25	33	51.776.336.696	33.765.816.108
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	63.835.957.319	50.137.794.688
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		143.212.886.284	40.519.134.964
Thu nhập khác	31	35	3.855.466.094	845.844.728
Chi phí khác	32		696.574.772	697.726.953
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.158.891.322	148.117.775
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		146.371.777.606	40.667.252.739
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	26.773.133.434	4.004.513.367
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		119.598.644.172	36.662.739.372

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Phạm Anh Thảo
Chuyên viên



Nguyễn Thị Tường Long
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Hải
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		146.371.777.606	40.667.252.739
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		51.798.597.158	53.825.712.322
Các khoản dự phòng	03		6.319.347	(16.147.903.811)
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		6.981.643.582	977.103.222
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(11.653.509.177)	(3.570.031.910)
Chi phí lãi vay	06		6.988.144.664	5.034.323.807
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		200.492.973.180	80.786.456.369
Biến động các khoản phải thu	09		(20.417.345.200)	(36.706.745.248)
Biến động hàng tồn kho	10		(33.536.723.438)	(111.988.537.976)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		16.852.802.165	26.435.889.161
Biến động chi phí trả trước	12		(4.304.408.569)	(3.150.439.822)
			159.087.298.138	(44.623.377.516)
Tiền lãi vay đã trả	14		(7.114.607.955)	(5.015.836.507)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	19(a)	(21.998.411.012)	(2.590.578.145)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		56.290.577	206.719.141
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	23	(9.191.982.506)	(5.377.621.982)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		120.838.587.242	(57.400.695.009)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(61.695.350.421)	(26.536.743.480)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		4.135.552.693	235.454.546
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(140.066.440.000)	(61.310.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		35.480.000.000	7.916.800.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		9.696.681.983	1.782.187.364
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(152.449.555.745)	(77.912.301.570)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1.845.604.316.628	1.294.853.242.269
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.812.313.152.181)	(1.134.596.822.094)
Tiền trả cổ tức	36		(23.543.025.000)	(11.789.005.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		9.748.139.447	148.467.415.175
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(21.862.829.056)	13.154.418.596
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		36.498.496.869	31.978.925.915
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	8	14.635.667.813	45.133.344.511

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Phạm Anh Thảo
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Hải
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau của Tổng Công ty:

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-001 ngày 27 tháng 12 năm 2013 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Thành phố Hà Nội - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-003 ngày 21 tháng 10 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ Điện Bàn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-004 ngày 14 tháng 3 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ - Đông Hà	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-008 ngày 18 tháng 5 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-009 ngày 31 tháng 8 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ - Quảng Ngãi	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-014 ngày 31 tháng 10 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Quế Sơn - Quảng Nam	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-019 ngày 29 tháng 3 năm 2019 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ Triệu Phong	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-020 ngày 29 tháng 7 năm 2020 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tổng Công ty có 5 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2022: 5 công ty con và 2 công ty liên kết), được liệt kê trong Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tổng Công ty có 9.415 nhân viên (1/1/2022: 8.877 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm các chi phí thuê và sửa chữa cải tạo tài sản. Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(n) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Tổng Công ty được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bản cân đối kế toán của Tổng Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(q) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban điều hành thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tổng Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tiền mặt	65.911.483	46.866.000
Tiền gửi ngân hàng	14.569.756.330	36.451.630.869
	<hr/>	<hr/>
	14.635.667.813	36.498.496.869
	<hr/>	<hr/>

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại từ 1 tháng – 8 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán, với lãi suất năm từ 4,9% đến 6,5% (1/1/2022: từ 3,3% đến 5,55%).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 93.000 triệu VND (1/1/2022: 30.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 22).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		30/6/2022					1/1/2022				
	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:											
Công ty con											
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	Đà Nẵng	442.088	76,88%	76,88%	2.667.900.000	-	384.424	76,88%	76,88%	2.667.900.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	Quảng Nam	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	-	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	(268.860.364)
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	Quảng Nam	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	Quảng Nam	7.449.000	74,49%	74,49%	74.490.000.000	-	7.449.000	74,49%	74,49%	74.490.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	Đà Nẵng	-	100%	100%	2.000.000.000	(296.455.485)	-	100%	100%	2.000.000.000	(340.046.437)
						92.748.900.000	(296.455.485)				
Công ty liên kết											
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	32,14%	32,14%	6.428.000.000	-	642.800	32,14%	32,14%	6.428.000.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Quảng Nam	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(4.000.000.000)	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(4.000.000.000)
						10.428.000.000	(4.000.000.000)				

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		30/6/2022					1/1/2022				
	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đơn vị khác											
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(505.853.528)	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(209.144.006)
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)
						7.755.702.000	(6.805.853.528)				
						110.932.602.000	(11.102.309.013)				

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Haggar Clothing Co.	123.633.472.620	126.145.167.202
Motives International (Hong Kong) Limited	155.616.257.186	139.699.775.309
Các khách hàng khác	247.634.638.631	216.014.749.148
	526.884.368.437	481.859.691.659

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	166.189.960	131.545.680
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	15.563.945	20.152.327.807
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	1.746.086.628	753.141.799
	1.927.840.533	21.037.015.286

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Kí quỹ, kí cược ngắn hạn	157.896.000	227.896.000
Tạm ứng nhân viên	827.702.816	1.128.256.220
Thuế nhập khẩu tạm nộp	1.006.306.691	1.190.743.899
Phải thu khác	1.635.092.185	2.393.783.192
	3.626.997.692	4.940.679.311

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Nợ xấu và nợ khó đòi

		30/6/2022					1/1/2022		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt Công ty TNHH May Phú Tường	Trên 3 năm	4.833.744.036	(4.833.744.036)	-		Trên 3 năm	4.833.744.036	(4.833.744.036)	-
	Từ 1 năm đến dưới 3 năm	2.880.547.450	(1.616.570.725)	1.263.976.725		Từ 1 năm đến dưới 2 năm	2.880.547.450	(1.440.273.725)	1.440.273.725
		<u>7.714.291.486</u>	<u>(6.450.314.761)</u>	<u>1.263.976.725</u>			<u>7.714.291.486</u>	<u>(6.274.017.761)</u>	<u>1.440.273.725</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi

(6.450.314.761)

(6.274.017.761)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Hàng tồn kho

	30/6/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	102.746.412.487	-	118.211.431.983	-
Nguyên vật liệu	283.203.106.156	-	219.271.690.066	-
Công cụ và dụng cụ	749.337.502	-	1.041.594.692	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	351.378.590.477	-	367.984.127.880	-
Thành phẩm	24.843.050.750	(264.201.909)	13.223.229.190	(402.545.886)
Hàng hóa	6.167.634.997	(4.726.344)	4.323.949.715	(20.618.226)
Hàng gửi đi bán	34.008.081.984	-	45.503.467.389	-
	803.096.214.353	(268.928.253)	769.559.490.915	(423.164.112)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có 1.135 triệu VND (1/1/2022: 1.941 triệu VND) hàng thành phẩm và hàng hóa được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 542.820 triệu VND (1/1/2022: 577.807 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 22(a)).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	356.353.313.737	972.484.518.436	64.282.257.190	7.717.936.860	93.474.075.614	1.494.312.101.837
Tăng trong kỳ	520.101.007	11.181.409.044	3.447.529.673	530.694.000	331.380.000	16.011.113.724
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	25.411.434.831	31.668.603.129	4.148.632.182	-	5.281.543.518	66.510.213.660
Phân loại lại	-	(3.406.316.277)	3.406.316.277	-	-	-
Thanh lý	-	(17.876.989.216)	(36.845.454)	(84.131.818)	(31.000.000)	(18.028.966.488)
Số dư cuối kỳ	382.284.849.575	994.051.225.116	75.247.889.868	8.164.499.042	99.055.999.132	1.558.804.462.733
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	150.875.636.735	759.449.870.162	35.866.737.409	6.254.175.210	78.356.611.642	1.030.803.031.158
Khấu hao trong kỳ	9.567.206.422	34.473.535.451	3.425.295.788	274.761.906	3.720.695.261	51.461.494.828
Phân loại lại	-	(908.635.388)	908.635.388	-	-	-
Thanh lý	-	(14.415.456.838)	(34.052.333)	(84.131.818)	(31.000.000)	(14.564.640.989)
Số dư cuối kỳ	160.442.843.157	778.599.313.387	40.166.616.252	6.444.805.298	82.046.306.903	1.067.699.884.997
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	205.477.677.002	213.034.648.274	28.415.519.781	1.463.761.650	15.117.463.972	463.509.070.679
Số dư cuối kỳ	221.842.006.418	215.451.911.729	35.081.273.616	1.719.693.744	17.009.692.229	491.104.577.736

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 673.026 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2022: 636.749 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 188.138 triệu VND (1/1/2022: 213.900 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 22).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	10.286.602.913
Tăng trong kỳ	903.474.000
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	11.190.076.913
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	8.412.752.343
Khấu hao trong kỳ	337.102.330
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	8.749.854.673
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	1.873.850.570
Số dư cuối kỳ	2.440.222.240
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 6.518 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (1/1/2022: 6.518 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	14.352.120.576	3.708.155.197
Tăng trong kỳ	67.161.285.778	21.509.551.647
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(66.510.213.660)	(22.906.105.089)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(377.311.147)
Số dư cuối kỳ	15.003.192.694	1.934.290.608

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Nhà máy May Triệu Phong	8.267.550.070	1.333.000
Máy móc thiết bị sợi	4.483.230.196	12.685.845.477
Các công trình khác	2.252.412.428	1.664.942.099
	15.003.192.694	14.352.120.576

17. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Trả trước phí bảo hiểm	339.768.496	2.061.385.644
Công cụ và dụng cụ	1.560.885.060	2.360.097.644
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	-	592.958.334
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.966.930.851	3.223.031.842
	5.867.584.407	8.237.473.464

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	10.859.368.372	9.689.131.127	20.548.499.499
Tăng trong kỳ	5.445.735.015	7.984.770.931	13.430.505.946
Thanh lý	(24.298.793)	-	(24.298.793)
Phân bổ trong kỳ	(4.067.295.904)	(2.664.613.623)	(6.731.909.527)
Số dư cuối kỳ	12.213.508.690	15.009.288.435	27.222.797.125

18. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Hultafors Group AB	41.997.882.352	44.776.318.875
Louis Dreyfus Company Suisse Sa	34.869.199.109	25.899.927
Kwong Lung Enterprise Co., Ltd	6.699.653.363	36.430.638.305
Các nhà cung cấp khác	222.999.820.076	224.707.547.357
	306.566.554.900	305.940.404.464

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	12.592.557.881	16.103.745.493
Công ty con		
Công ty CP May Hòa Thọ Hội An	1.522.585.167	432.345.338
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	275.886.604	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí xây dựng Hòa Thọ	-	230.670.451
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	7.484.273.992	8.334.074.082
Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty TNHH Coats Phong Phú	2.950.309.319	2.430.308.000
	21.875.303.644	27.531.143.364

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

19. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2022	Số phải nộp	Số đã nộp/bù trừ	30/6/2022
	VND	trong kỳ	trong kỳ	VND
		VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	6.394.335.148	65.165.702.516	(63.300.030.266)	8.260.007.398
Thuế nhập khẩu	207.330.386	2.854.568.004	(3.044.484.462)	17.413.928
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.827.436.568	26.773.133.434	(21.998.411.012)	13.602.158.990
Thuế thu nhập cá nhân	139.964.145	3.902.655.093	(3.532.760.224)	509.859.014
Các loại thuế khác	-	6.855.885.537	(787.472.877)	6.068.412.660
	15.569.066.247	105.551.944.584	(92.663.158.841)	28.457.851.990

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Phân loại lại VND	30/6/2022 VND
Thuế nhà thầu	-	3.555.457	-	3.555.457

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí hoạt động	8.458.887.024	1.388.294.431
Chi phí lãi vay	141.399.227	267.862.518
Các khoản trích trước khác	797.226.385	1.347.553.658
	9.397.512.636	3.003.710.607

21. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Kinh phí công đoàn	16.352.294.197	16.519.345.858
Phải trả nguyên vật liệu	-	5.663.211.997
Cổ tức phải trả	1.059.401.600	977.426.600
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	160.000.000	165.000.000
Quỹ ái hữu, quỹ tương trợ	832.771.781	832.771.781
Các khoản thu chi hộ	1.401.733.493	2.703.517.178
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.032.517.764	2.022.395.523
	24.838.718.835	28.883.668.937

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2022 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	30/6/2022 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	488.632.814.504	1.845.604.316.628	(1.798.944.246.868)	4.158.795.958	539.451.680.222
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	21.256.930.463	8.001.427.725	(13.368.905.313)	98.350.691	15.987.803.566
	509.889.744.967	1.853.605.744.353	(1.812.313.152.181)	4.257.146.649	555.439.483.788

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	1,30% - 1,70%	287.820.302.944	205.675.587.086
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	1,50%	147.586.711.720	77.942.926.642
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	1,56%	-	37.633.249.507
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	1,40%	-	167.132.051.269
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	1,40%	46.774.459.558	-
Vay ngân hàng 6 (i)	VND	4,53%	57.000.000.000	-
Vay Ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	8,40%	270.206.000	249.000.000
			539.451.680.222	488.632.814.504

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh số 9(a)), một số hàng tồn kho (Thuyết minh 13) và tài sản cố định của Tổng Công ty (Thuyết minh 14).

(ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Vay dài hạn	238.832.007.430	247.867.710.095
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(15.987.803.566)	(21.256.930.463)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	222.844.203.864	226.610.779.632
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	5,0%	2022	-	5.588.879.756
Vay ngân hàng 2 (i)	VND	4,8%	2024	25.000.000.000	30.000.000.000
Quỹ bảo vệ môi trường (ii)	VND	2,6%	2025	4.650.000.000	5.270.000.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam		LIBOR +			
– Công ty mẹ (iii)	USD	0,7%	2039	209.182.007.430	207.008.830.339
				<hr/>	<hr/>
				238.832.007.430	247.867.710.095
				<hr/>	<hr/>

- (i) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình và hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 14 và Thuyết minh 9(a)).
- (ii) Khoản vay này không được đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) và có hạn mức là 9.042.587 USD.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	68.752.372.828	72.523.791.358
Trích lập trong kỳ	9.854.162.569	2.540.348.765
Tăng khác	56.290.577	206.719.141
Giảm khác	-	(50.000.000)
Sử dụng trong kỳ	(9.191.982.506)	(5.377.621.982)
Số dư cuối kỳ	69.470.843.468	69.843.237.282

24. Người mua trả tiền trước dài hạn

Khoản người mua trả trước dài hạn từ Motives International (Hong Kong) Limited (“Motives”) được dùng để đầu tư dây chuyền thiết bị mở rộng sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu của Motives. Số tiền ứng trước này đã được cần trừ dần kể từ năm 2017.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	225.000.000.000	128.382.421.384	88.412.839.839	441.795.261.223
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	36.662.739.372	36.662.739.372
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	9.045.784.398	(9.045.784.398)	-
Cổ tức (Thuyết minh 28)	-	-	(33.750.000.000)	(33.750.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.540.348.765)	(2.540.348.765)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	225.000.000.000	137.428.205.782	79.739.446.048	442.167.651.830
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	236.250.000.000	137.428.205.782	207.065.692.866	580.743.898.648
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	119.598.644.172	119.598.644.172
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	34.722.323.621	(34.722.323.621)	-
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 28)	63.780.750.000	-	(63.780.750.000)	-
Cổ tức (Thuyết minh 28)	-	-	(23.625.000.000)	(23.625.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(9.854.162.569)	(9.854.162.569)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	300.030.750.000	172.150.529.403	194.682.100.848	666.863.380.251

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.003.075	300.030.750.000	23.625.000	236.250.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.003.075	300.030.750.000	23.625.000	236.250.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.003.075	300.030.750.000	23.625.000	236.250.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Vốn cổ phần đã phát hành và đang lưu hành của các cổ đông như sau:

	30/6/2022			1/1/2022		
	Đã phát hành và đang lưu hành			Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	18.561.838	185.618.380.000	61,87%	14.615.621	146.156.210.000	61,87%
Các cổ đông khác	11.441.237	114.412.370.000	38,13%	9.009.379	90.093.790.000	38,13%
	30.003.075	300.030.750.000	100%	23.625.000	236.250.000.000	100%

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2022		30/6/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	23.625.000	236.250.000.000	22.500.000	225.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	6.378.075	63.780.750.000	-	-
Số dư cuối kỳ	30.003.075	300.030.750.000	22.500.000	225.000.000.000



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

28. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 16 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 23.625 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 10%) và cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 63.780 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 27%) cho năm 2021 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021: 33.750 triệu VND cho năm 2020, tương đương 15% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020).

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Trong vòng một năm	12.508.591.070	20.540.730.148
Trong vòng hai đến năm năm	50.034.364.279	77.343.171.463
Sau năm năm	136.854.195.283	96.420.735.773
	199.397.150.632	194.304.637.384

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	40.862	945.215.553	101.325	2.294.822.989
EUR	-	-	221	5.616.408
		945.215.553		2.300.439.397

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn các dự án đầu tư sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	35.590.000.000	31.020.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	37.719.000.000	27.417.600.000
	<hr/> 73.309.000.000	<hr/> 58.437.600.000

30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	2.079.681.983	1.614.187.364
Cổ tức được chia	8.902.600.000	1.720.390.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.522.875.401	8.864.216.206
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.633.014	5.585.004
	<hr/> 35.508.790.398	<hr/> 12.204.378.574

32. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Chi phí lãi vay	6.988.144.664	5.034.323.807
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.705.341.399	1.809.492.691
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.981.643.582	977.103.222
Hoàn nhập dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	(15.741.794)	(13.125.286.822)
	<hr/> 19.659.387.851	<hr/> (5.304.367.102)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.031.801.832	2.040.530.958
Chi phí vật liệu, bao bì	311.667.990	313.395.379
Chi phí khấu hao tài sản cố định	490.255.248	488.667.862
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.875.977.295	25.700.664.714
Chi phí khác	7.066.634.331	5.222.557.195
	51.776.336.696	33.765.816.108

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	29.684.988.810	25.264.102.780
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.759.818.214	5.555.056.243
Thuế, phí và lệ phí	6.494.746.973	2.665.509.305
Dự phòng phải thu khó đòi	176.297.000	764.003.735
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.329.120.194	5.956.071.319
Chi phí khác	12.390.986.128	9.933.051.306
	63.835.957.319	50.137.794.688

35. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	671.227.194	235.454.546
Các khoản thu nhập khác	3.184.238.900	610.390.182
	3.855.466.094	845.844.728

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.184.914.103.070	676.132.649.411
Chi phí nhân viên	657.733.002.891	468.052.230.550
Chi phí khấu hao và phân bổ	51.798.597.158	53.825.712.322
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	313.035.558.214	209.822.722.566

37. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	26.773.133.434	4.004.513.367

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	146.371.777.606	40.667.252.739
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	29.274.355.521	4.066.725.274
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	-	286.194.083
Chi phí không được khấu trừ thuế	337.243.424	122.976.946
Thu nhập không bị tính thuế	(1.780.520.000)	(172.039.000)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	(1.057.945.511)	(299.343.936)
	26.773.133.434	4.004.513.367

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản của Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho	
	kỳ sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2021
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Cổ tức công bố	14.615.621.000	21.923.431.500
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.194.684.759	1.126.338.637
Mua hàng hóa và dịch vụ	8.300.451.170	10.740.257.306
Chi phí lãi vay	1.855.039.474	1.801.607.235
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.939.643.555	2.160.743.397
Mua hàng hóa và dịch vụ	341.970.414	412.049.582
Cổ tức công bố bằng tiền	-	266.790.000
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	583.897.307	451.952.494
Mua hàng hóa và dịch vụ	27.471.790.198	23.304.599.367
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	148.737.480	522.259.658
Mua hàng hóa và dịch vụ	29.358.538.743	20.037.078.771
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.381.471	11.321.470
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.748.434.719	1.630.629.920
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình		
Bán hàng hóa và dịch vụ	22.778.293.328	23.766.828.194
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.020.567.760	1.985.606.784
Cổ tức nhận được bằng tiền	7.449.000.000	-
Bán tài sản cố định	3.500.000.000	-
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	578.023.242	583.243.696
Mua hàng hóa và dịch vụ	45.639.919.086	23.441.181.087
Cho vay	5.055.440.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	282.518.169	216.165.313
Mua hàng hóa và dịch vụ	48.819.297.093	35.301.173.308
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.285.600.000	1.285.600.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch cho
kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2022 30/6/2021
VND VND

Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Công ty TNHH Coats Phong Phú

Mua hàng hóa và dịch vụ	8.780.186.196	9.338.297.639
-------------------------	---------------	---------------

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Bán hàng hóa	129.818.201	202.121.472
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	55.250.000

Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP

Bán hàng hóa và dịch vụ	-	492.718.317
Mua hàng hóa và dịch vụ	18.660.326	-

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi của người quản lý chủ chốt

Tổng Giám đốc

Tiền lương và thưởng	1.109.489.264	783.834.551
----------------------	---------------	-------------

Thành viên khác trong Ban điều hành

Tiền lương và thưởng	5.750.305.006	4.225.855.009
----------------------	---------------	---------------

Thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thưởng và thù lao	286.578.510	261.494.526
-------------------------------	-------------	-------------

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tiền lương và thù lao	1.454.485.507	1.336.054.261
-----------------------	---------------	---------------

Thành viên 1 của Hội đồng Quản trị

Thù lao và thưởng	133.333.333	133.333.333
-------------------	-------------	-------------

Thành viên 2 của Hội đồng Quản trị

Thù lao	66.666.668	66.666.666
---------	------------	------------

Thành viên 3 của Hội đồng Quản trị

Thù lao	66.666.668	66.666.666
---------	------------	------------

Thành viên 4 của Hội đồng Quản trị

Thù lao và thưởng	188.888.887	166.666.665
-------------------	-------------	-------------

Thành viên 5 của Hội đồng Quản trị

Thù lao	66.666.668	66.666.666
---------	------------	------------

2-C.1
 TỶ
 HỮU HẠ
 G
 T.P.V

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.285.600.000	1.285.600.000

40. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh có liên quan, và thông tin cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh có liên quan.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người lập:

Phạm Anh Thảo
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Thị Tường Long
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hải
Tổng Giám đốc